



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 04 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
(Số: 12/2023/BBKP – ĐHĐCĐ)

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

Hôm nay, vào lúc 07 giờ 20 phút ngày 26 tháng 04 năm 2023 tại Hội trường Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi, các thành viên trong Ban kiểm phiếu gồm:

1. Ông: Nguyễn Tiến Nghĩa - Trưởng ban
2. Bà: Nguyễn Thị Diễm Hằng - Thành viên
3. Bà: Nguyễn Thị Quỳnh Như - Thành viên

- Đến thời điểm 07 giờ 30 phút ngày 26 tháng 04 năm 2023, tổng số cổ đông tham dự và uỷ quyền tham dự là 173 cổ đông, tương ứng với 12.614.951 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,73% tổng số cổ phần có quyền tham dự Đại hội.

- Cập nhật đến thời điểm kiểm phiếu kết quả biểu quyết, tổng số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự là 173 cổ đông, tương ứng với 12.614.951 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,73% tổng số cổ phần có quyền tham dự Đại hội.

- Ban kiểm phiếu đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi.

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành (%)	Không tán thành (%)	Không ý kiến (%)	Kết quả biểu quyết
1	Chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.	100%	0%	0%	Tán thành
2	Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về	100%	0%	0%	Tán

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành (%)	Không tán thành (%)	Không ý kiến (%)	Kết quả biểu quyết
	kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và Kế hoạch năm 2023.				thành
3	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023.	100%	0%	0%	Tán thành
4	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch công tác năm 2023.	100%	0%	0%	Tán thành
5	Tờ trình số 78/2023/TT – HĐQT về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022.	100%	0%	0%	Tán thành
6	Tờ trình số 79/2023/TT – HĐQT V/v Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2021.	36,78%	63,22%	0%	Không tán thành
7	Tờ trình số 79a/2023/TT – HĐQT V/v Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2022.	63,87%	36,13%	0%	Tán thành
8	Tờ trình số 80/2023/TT – HĐQT về việc thông qua Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.	100%	0%	0%	Tán thành
9	Tờ trình số 81/2023/TT – HĐQT về việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.	100%	0%	0%	Tán thành

Việc kiểm phiếu biểu quyết được kết thúc vào hồi 10 giờ 45 phút cùng ngày.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác của việc kiểm phiếu trên.

CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Trưởng ban

Thành viên


Nguyễn Thị Diễm Hằng


Nguyễn Văn Nghĩa

Thành viên


Nguyễn Thị Ánh Khuê



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỘI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỘI

(Số: 13/2023/BBH – ĐHĐCĐ)

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lôi; được khai mạc vào lúc: 08 giờ 00 ngày 26/04/2023 tại Hội trường Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lôi - Km 17, QL 26, xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

II. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Bà Lê Đặng Uyên Đan thay mặt giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.
2. Ông Phạm Đình Bộ, Trưởng Ban kiểm soát đọc báo cáo kết quả kiểm tra các cổ đông có đủ điều kiện tham dự Đại hội theo đó:

- Tổng số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự: 173 cổ đông.
- Tỷ lệ cổ phần đại diện và sở hữu của cổ đông tham dự: 12.614.951 cổ phần chiếm tỷ lệ 99,73% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông đã được tiến hành hợp pháp và hợp lệ theo quy định của Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Bà Lê Đặng Uyên Đan thay mặt Ban Tổ chức giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban Kiểm phiếu tại Đại hội:

Đoàn chủ tịch:

- | | |
|---------------------|------------------------------|
| - Ông Đỗ Hoàng Phúc | - Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Phạm Xuân Thụ | - Thành viên HĐQT |
| - Bà Đặng Thị Huyền | - Thành viên HĐQT |

Ban thư ký:

- | | |
|---------------------------|--------------|
| - Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng | - Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Ngân | - Thành viên |

Ban kiểm phiếu:

- | | |
|---------------------------|--------------|
| - Ông Nguyễn Tiến Nghĩa | - Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng | - Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như | - Thành viên |

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu như trên để điều khiển Đại hội với tỷ lệ: 100% cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

3. Ông Nguyễn Tiến Nghĩa thay mặt Ban kiểm phiếu đọc quy định về thể lệ làm việc, biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Quy định về thể thức làm việc và biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ: 100% cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

4. Đoàn chủ tịch giới thiệu và thông qua nội dung Chương trình Đại hội:

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Chương trình Đại hội như trên với tỷ lệ: 100% cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

III. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

1. Ông Phạm Xuân Thụ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc thay mặt Ban Tổng Giám Đốc báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

2. Ông Đỗ Hoàng Phúc - Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022; định hướng hoạt động năm 2023.

3. Ông Phạm Đình Bộ - Trưởng Ban Kiểm Soát thay mặt Ban Kiểm Soát báo cáo tình hình hoạt động của BKS năm 2022 và kế hoạch công tác năm 2023.

4. Bà Đặng Thị Huyền trình bày các Tờ trình liên quan:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

- Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2021

- Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2022;

- Tờ trình thông qua thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

- Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

5. Thảo luận và tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội:

Một số vấn đề được các cổ đông đưa ra thảo luận tại Đại hội như: vấn đề thực hiện việc chia cổ tức hàng năm.

Ý kiến đưa ra thảo luận đã được giải thích trực tiếp tại Đại hội.

6. Các Nghị quyết của Đại hội:

Sau khi thảo luận, các cổ đông tham dự đã nhất trí quyết nghị từng nội dung

sau:

Nội dung 1: Báo cáo số 75/2023/BC – BTGD ngày 29/03/2023 của Ban Tổng Giám Đốc về báo cáo tổng kết thực hiện sản xuất kinh doanh trong năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2023:

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023 như sau (có báo cáo kèm theo):

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022 so với KH năm 2022
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	9.685	8.302	117%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	9.471	8.000	118%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	214	302	71%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	450.680	398.596	113%
1	Doanh thu cà phê thu mua ngoài	Triệu đồng	434.993	383.581	113%
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	8.378	5.515	152%
3	Doanh thu kinh doanh dịch vụ	Triệu đồng	7.309	9.500	77%
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	432.601	370.009	117%
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	426.064	365.301	117%
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	2.581	2.108	122%
3	Giá vốn kinh doanh dịch vụ	Triệu đồng	3.956	2.600	152%
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	18.079	28.587	63%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022 so với KH năm 2022
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	6.495	3.600	180%
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	3.995	3.100	129%
VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	8.528	13.000	66%
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.285	12.500	106%
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(1.233)	3.587	-390%
X	Thu nhập khác	Triệu đồng	5.028	2.300	219%
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	1.903	800	238%
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	3.125	1.500	208%
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	1.891	5.087	37%
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	568	1.017	56%
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	1.323	4.070	33%

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	KH năm 2023 so với TH năm 2022	Ghi chú
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	9.685	8.302	86%	
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	9.471	8.000	84%	
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	214	302	141%	
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH					

I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	450.680	371.483	82%	
1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	434.993	352.383	81%	
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	8.378	12.300	147%	Giá thu sản dự kiến 9.000đ/kg cà phê quả tươi
3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	7.309	6.800	93%	
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	432.601	350.358	81%	
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	426.064	341.358	80%	
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	2.581	5.500	213%	Giá thành sản lượng dự kiến 4.000đ/kg cà phê quả tươi
3	Giá vốn cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	3.956	3.500	88%	
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	18.079	21.125	117%	
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	6.495	6.000	92%	
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	3.995	3.500	88%	
VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	8.528	7.000	82%	
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.285	13.000	98%	
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(1.233)	3.625	393%	
X	Thu nhập khác	Triệu đồng	5.028	1.300	26%	
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	1.903	800	42%	
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	3.125	500	16%	
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	1.891	4.125	218%	
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	568	825	145%	
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	1.323	3.300	249%	

Kết quả biểu quyết: 100% thẻ tán thành
0% thẻ không tán thành
0% thẻ không ý kiến

Nội dung 2: Báo cáo số 76/2023/BC – HĐQT ngày 29/03/2023 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 (Văn bản đính kèm).

Kết quả biểu quyết: 100% thẻ tán thành
0% thẻ không tán thành
0% thẻ không ý kiến

Nội dung 3: Báo cáo số 77/2023/BC – BKS ngày 29/03/2023 về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 (Văn bản đính kèm).

Kết quả biểu quyết: 100% thẻ tán thành
0% thẻ không tán thành
0% thẻ không ý kiến

Nội dung 4: Tờ trình số 78/2023/TT – HĐQT ngày 29/03/2023 về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022

Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 như được nêu trong tờ trình (Văn bản đính kèm).

Kết quả biểu quyết: 100% thẻ tán thành
0% thẻ không tán thành
0% thẻ không ý kiến

Nội dung 5: Tờ trình số 79/2023/TT – HĐQT ngày 29/03/2023 V/v: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2021

Đại hội biểu quyết về Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2021 (1)	Đồng	5.898.847.907
2	Trích (1) vào Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	1.849.115.723

3	Chia cổ tức từ (1) bằng tiền mặt	Đồng	4.049.732.184
4	Tỷ lệ chia cổ tức trên lợi nhuận	%	68,65

Kết quả biểu quyết: 36,78% thẻ tán thành
63,22% thẻ không tán thành
0% thẻ không ý kiến

Nội dung 6: Tờ trình số 79a/2023/TT – HĐQT ngày 29/03/2023 về việc thông qua về Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2022.

Đại hội biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2022 như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Tổng doanh thu	Đồng	462.203.961.341
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	1.891.313.380
3	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	Đồng	1.323.034.745
4	Cổ tức	Đồng	0
5	Lợi nhuận trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	1.323.034.745
6	Tỷ lệ chia cổ tức trên lợi nhuận	%	0

Kết quả biểu quyết: 63,87% thẻ tán thành
36,13% thẻ không tán thành
0% thẻ không ý kiến

Nội dung 7: Tờ trình số 80/2023/TT – HĐQT về việc thông qua Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

Đại hội biểu quyết thông qua Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Nội dung	Kế hoạch thù lao năm 2022	Tổng thù lao đã chi năm 2022	Kế hoạch thù lao năm 2023
01	Chủ tịch HĐQT chuyên trách và các Thành viên HĐQT không chuyên trách	494.000.000	413.254.285	500.000.000 - Lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 22.500.000đ/tháng (Chưa bao gồm mức đóng thuế TNCN 10%)
02	Ban kiểm soát (03 thành	84.000.000	24.000.000	84.000.000

	viên)			
--	-------	--	--	--

Kết quả biểu quyết:

100% thẻ tán thành

0% thẻ không tán thành

0% thẻ không ý kiến

Nội dung 8: Tờ trình số 81/2023/TT – HĐQT về việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2023

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung tờ trình về việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn một trong các công ty Kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2023

Kết quả biểu quyết:

100% thẻ tán thành

0% thẻ không tán thành

0% thẻ không ý kiến

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày.

Biên bản đã được đọc trước Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH HĐQT

THÀNH VIÊN HĐQT



[Handwritten signatures in blue ink]
Đào Xuân Phúc *Đặng Thị Huyền*

BAN THƯ KÝ

Đỗ Hoàng Phúc

[Handwritten signatures in blue ink]
Nguyễn Thị Thúy Hằng *Nguyễn Thị Ngân*



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LÔI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Thời gian: 07 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 04 năm 2023
- Địa điểm: Hội trường trụ sở chính Văn phòng Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lôi
- Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã Hòa Đông, huyện K'Rông Păk, tỉnh Đak Lak

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	CHỦ TRÌ
1.	07h30 – 08h20	- Đón khách; - Thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm tra tư cách cổ đông/người dự họp; - Phát tài liệu họp.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
2.	07h30 – 08h20	- Khai mạc Đại hội; - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông/người dự họp;	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
3.	07h30 – 08h20	- Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, chỉ định Thư ký/Ban Thư ký & thông qua thành phần Ban kiểm phiếu; - Thông qua Chương trình Đại hội; - Thông qua Quy chế Tổ chức và Biểu quyết tại Đại hội.	Chủ tọa
4.	08h20 – 09h00	Báo cáo Ban Tổng Giám Đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023.	Tổng Giám đốc
5.	08h20 – 09h00	Báo cáo HĐQT về hoạt động trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.	Chủ tịch HĐQT
6.	08h20 – 09h00	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.	Trưởng BKS
7.	08h20 – 09h00	Các Tờ trình với nội dung sau: - Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2022. - Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021. - Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022. - Tờ trình về việc thông qua tổng thù lao tiền thưởng HĐQT & BKS năm 2022 và kế hoạch năm 2023. - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023. - Các nội dung khác (nếu có)	Thành viên Đoàn Chủ tịch
8.	09h00-09h20	Đại hội thảo luận về nội dung của các Báo cáo và Tờ trình Đại hội	Đoàn Chủ tịch
9.	09h20 – 09h40	Biểu quyết thông qua các nội dung trong Đại hội	Đoàn Chủ tịch
10.	09h40 – 10h00	- Kiểm phiếu - Nghỉ giải lao	Ban kiểm phiếu



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

11.	10h00 – 10h30	Công bố kết quả kiểm phiếu	Ban Kiểm phiếu
12.	10h40 – 10h45	Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2023	Ban Thư ký
13.	10h50	Bế mạc đại hội	Đoàn Chủ tịch

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Đỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LÔI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

QUY CHẾ THỂ THỨC LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lôi.

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lôi được tiến hành nhanh chóng, thuận lợi, đạt được thành công tốt đẹp, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua **“Quy chế thể thức làm việc và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023”** (“Sau đây gọi lại **Quy chế**”) với các nội dung chính như sau:

Điều 1. Nhiệm vụ của Đại hội.

- Biểu quyết thông qua Quy chế Thể thức làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình Đại hội; Đoàn Chủ Tịch; Ban Thư Ký; Ban Kiểm Phiếu.;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình: Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình: Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch năm 2023;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023;
- Biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình về các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam xác nhận vào ngày 03/04/2023 đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lôi.

1. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông để nhận **Thẻ biểu quyết và Phiếu góp ý** trong đó có ghi tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, mã số biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông.

2. Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.

3. Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự;

4. Người được ủy quyền tham dự Đại hội sử dụng mẫu ủy quyền do Công ty cấp, không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội;

5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;

6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông;

7. Việc ghi âm hoặc ghi hình tại Đại hội phải được sự cho phép của Chủ tọa và/hoặc nhất trí của toàn bộ cổ đông dự họp.

Điều 3. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên do chủ tọa giới thiệu. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch và là người Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị (HĐQT) đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 4. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Đoàn Chủ tịch giới thiệu; Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

a. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;

b. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định.

c. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;

d. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 5. Ban Kiểm tra Tư cách cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 04 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 03 thành viên do Chủ tọa giới thiệu.

2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

- Thẩm tra tư cách cổ đông và đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội.
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

- Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phải lập Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 6. Ban Kiểm Phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, quy chế bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.
- Thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 7. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Đại hội cần nhiều thời gian thảo luận hơn dự kiến thì Đoàn Chủ tịch sẽ có thẩm quyền quyết định vấn đề này.

- Cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu góp ý đã được phát và chuyển cho thư ký Đại hội;

- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu góp ý của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;

- Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay và phải tuân thủ các quy định sau:

- + Được sự chấp thuận của Chủ tọa;

- + Phải nêu tên và mã số biểu quyết trước khi phát biểu;

- + Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với Chương trình Đại hội;

- + Nội dung phát biểu phải mang tính xây dựng và phát triển Công ty;

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở Phiếu góp ý của cổ đông, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 8. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và lấy biểu quyết công khai bằng cách giơ **Thẻ biểu quyết** hoặc bỏ phiếu kín bằng Phiếu biểu quyết (*tùy từng nội dung biểu quyết*) đối với tất cả cổ đông và/hoặc Đại diện.

- Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết được Công ty in và được phát cho Cổ đông /Đại diện cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết/một Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết ghi rõ Mã số cổ đông, Họ và tên, Số phiếu biểu quyết của cổ đông đó (*đối với Thẻ biểu quyết*) và các nội dung biểu quyết theo Chương trình họp của ĐHĐCĐ (*đối với Phiếu biểu quyết*).

2. Phương thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết

2.1. Phương thức giơ Thẻ biểu quyết các nội dung sau:

- Thông qua tất cả các Báo cáo, các tờ trình được trình bày tại Đại hội

2.2 Cách biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết:

- Cổ đông và/hoặc Đại diện cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) đối với một vấn đề bằng cách trực tiếp giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội;

- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông biểu quyết đồng ý thông qua sẽ giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu Mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của từng cổ đông đồng ý. Tương tự, theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông không đồng ý hoặc không có ý kiến sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết;

- Ngay sau khi hoàn thành phần Biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Đại hội, Ban Kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn Đại hội.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

3.1. Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) thẻ biểu quyết/ 01 (một) Phiếu biểu quyết.

3.2. Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội trừ các vấn đề theo quy định pháp luật được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 9. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được Ban Thư ký lập, đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 10. Thi hành Quy chế

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế thể thức làm việc và biểu quyết tại Đại hội này được trình bày trước Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi và được thông qua khi được sự chấp thuận của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Quy chế này có hiệu lực kể từ thời điểm được Đại hội Đồng Cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi thông qua và chấm dứt hiệu lực sau khi kết thúc Đại hội.

Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội sẽ thay mặt ký, ban hành Quy chế này sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Quy chế./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc

Số: 75/2023/BC – BTGD

Hòa Đông, ngày 29 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2023**



Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị về sản xuất kinh doanh năm 2022.

Trong năm 2022, Công ty đã tập trung mọi nguồn lực, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ mà Nghị quyết đã đề ra.

Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 để tổng kết công tác sản xuất kinh doanh năm 2022 & triển khai phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2023.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc, Tôi xin trình bày Báo cáo như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. Những thuận lợi và khó khăn

1) Thuận lợi

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các Sở ban ngành của tỉnh, Huyện ủy Krông Pắc và sự ủng hộ của chính quyền địa phương các cấp đã tạo nhiều điều kiện cho Công ty thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2022.

- Lực lượng sản xuất của công ty đã có bước phát triển mới trong triển khai nhiệm vụ theo Nghị quyết đề ra. Đồng thời, dưới sự giám sát chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty, các phòng ban, đơn vị trong Công ty tiếp tục phát huy và từng bước có sự đổi mới nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, công tác sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

- Tập thể từ Ban lãnh đạo đến cán bộ nhân viên Công ty luôn có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, đoàn kết, ý thức trách nhiệm với công việc, khắc phục mọi khó khăn để cùng nhau thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Cơ sở vật chất của công ty đến nay cơ bản đầy đủ, đáp ứng được mọi vấn đề cho quá trình sản xuất kinh doanh và đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân viên lao động.

2) Khó khăn

- Về sản xuất: Tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp khó khăn bởi đa số người nhận khoán vẫn chưa hợp tác với Công ty trong thực hiện hợp đồng giao khoán, cụ thể: không giao nộp sản lượng giao khoán năm 2022; không trả nợ sản lượng còn nợ của các năm từ 2018-2021, mặc dù Công ty đã có chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 27/10/2022 của Hội đồng quản trị công ty (giảm sản lượng giao khoán từ 10- 30% đối với những trường hợp giao nộp đủ sản lượng giao khoán năm 2022 và trả đầy đủ hoặc một phần các khoản nợ); không ký hợp đồng giao khoán mới khi hợp đồng đã hết thời hạn; tiếp tục chặt hạ, chiếm đoạt cây muồng đen, tự ý thanh lý lô cà phê, tự ý rào lấn chiếm và chắn đường lô...làm thất thoát tài sản của Công ty (trong đó có vốn Nhà nước và các cổ đông).

- Về Kinh doanh: cũng là một năm kinh doanh gặp khó khăn bởi biến động giá cả do ảnh hưởng của chiến tranh Nga-Ukraina, lạm phát,... nên kinh tế của nhiều nước rơi vào suy thoái, làm sức mua hàng hóa sụt giảm, ảnh hưởng lớn đến tiêu thụ cà phê toàn cầu, các khoản chi phí tăng cao.

II. Kết quả thực hiện SXKD năm 2022.

1. Về sản xuất:

Tuy gặp rất nhiều khó khăn, song Với sự nỗ lực, quyết tâm cao từ tập thể ban lãnh đạo đến cán bộ nhân viên công ty, bằng nhiều hình thức, biện pháp khắc phục khó khăn, tăng cường công tác vận động tuyên truyền đối với người nhận khoán để nhận thức đúng đắn về trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc thực hiện hợp đồng giao khoán từ đó hợp tác với công ty để cùng thực hiện, do vậy việc thu sản lượng giao khoán năm 2022 và các khoản nợ tuy đạt không cao nhưng cũng khả quan hơn năm 2021, cụ thể:

1.1. Kết quả thu hồi các khoản nợ đối với người nhận khoán và liên kết

1.1.2. Thu nợ sản lượng giao khoán 2018; 2019; 2020; 2021 và thu sản lượng năm 2022

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số còn nợ cuối kỳ
			Phát sinh tăng (Phải nộp trong kỳ)	Phát sinh giảm (đã nộp trong kỳ)	
Sản lượng giao khoán	Kg cà phê quả tươi	8.781.923	3.064.090	981.002	10.865.011
Tiền thuê đất	Đồng	13.409.893.814	2.443.281.566	1.247.913.070	14.605.262.310

Vay tái canh	Đồng	178.700.000	0	0	178.700.000
Phân vô cơ	Đồng	610.404.000	0	0	610.404.000

1.2. Một số hoạt động công tác khác liên quan đến sản xuất:

- Năm 2022 Công ty tiếp tục mời người nhận khoán lên công ty để ký hợp đồng giao khoán mới, bao gồm hợp đồng đã hết thời hạn, trồng mới tái canh chuyển lên kinh doanh và hợp đồng theo tư cách pháp nhân mới công ty cổ phần, kết quả đã ký được 100 hợp đồng, nâng tổng số hợp đồng mới đã được ký từ khi chuyển sang công ty cổ phần là: 215 hợp đồng/1.332 hợp đồng.

- Kiểm tra và làm thủ tục thanh lý cây muồng đen đối với 27 trường hợp xin thanh lý cây muồng đen trên lô. Và kiểm tra xử lý bồi thường đối với 34 trường hợp tự ý chặt hạ, chiếm đoạt cây muồng đen (những trường hợp ký hợp đồng giao khoán mới và chốt BHXH).

- Tuần tra, kiểm tra lô đồng phát hiện, lập biên bản xử lý 252 vụ tự ý chặt hạ, chiếm đoạt cây muồng đen trên lô cả phê với số lượng 5.957 cây.

- Phối hợp với ban quản lý dự án đường tránh đông Buôn Ma Thuột thu hồi các khoản nợ đối với người nhận khoán, người làm cà phê liên kết có đường tránh đông đi qua. Kết quả: đã thu được các khoản nợ và tiền bồi thường đối với 24 trường hợp người nhận khoán và 7 trường hợp liên kết, số còn lại 18 trường hợp, trong đó có 17 người nhận khoán và 01 người làm cà phê liên kết không ký hợp đồng, không chấp nhận trả nợ, công ty đã lập hồ sơ khởi kiện ra tòa.

- Xây dựng phương án khoán đối với 616,40 ha diện tích đất cà phê liên kết theo công văn số 2755/UBND-NN&MT ngày 31/03/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và triển khai lấy ý kiến người làm cà phê liên kết nhưng không đạt kết quả do họ muốn toàn bộ diện tích đất liên kết được chuyển về địa phương quản lý và cấp giấy CNQSDĐ cho người dân.

- Tiến hành đối chiếu, xác nhận công nợ tại thời điểm 30/6/2022, tuy nhiên số người đến đối chiếu xác nhận rất thấp không đáng kể.

- Cung cấp hồ sơ, tài liệu, chứng cứ liên quan cho Tòa án đối với các vụ án Công ty đang tiến hành khởi kiện. Đồng thời phối hợp trong việc tổ chức kiểm đếm, định giá vườn cây theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện việc trả lời đơn khiếu nại cho người nhận khoán gửi các cơ quan chức năng của tỉnh, Trung ương theo công văn chỉ đạo của Hội Đồng Nhân Dân và Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đắk Lắk theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về Kinh doanh:

2.1 Kinh doanh cà phê:

Cũng như sản xuất năm 2022 hoạt động kinh doanh cũng gặp khó khăn bởi biến động giá cả do ảnh hưởng của chiến tranh, lạm phát,.... nền kinh tế của nhiều nước rơi vào suy thoái, làm sức mua hàng hóa sụt giảm, ảnh hưởng lớn đến tiêu thụ cà phê toàn cầu, các

khoản chi phí tăng cao...Do vậy kết quả kinh doanh năm 2022 cũng không đạt hiệu quả cao, cụ thể:

- Tổng khối lượng hàng hóa xuất khẩu và bán nội địa cà phê thu mua ngoài là 9.471.008 kg cà phê nhân.

- Tổng khối lượng hàng hóa xuất khẩu và bán nội địa cà phê thu mua ngoài là 9.471.008 kg.

- Doanh thu xuất khẩu và bán nội địa cà phê thu mua ngoài: 434.993 triệu đồng.

2.2. Kết quả kinh doanh một số lĩnh vực khác:

Ngoài hoạt động kinh doanh chính là cà phê Công ty còn có doanh thu từ cho thuê kho, doanh thu từ hoạt động tài chính nhờ sử dụng dòng tiền linh hoạt,...

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

- Tổng doanh thu năm 2022 đạt 462.203 triệu đồng đạt 114% kế hoạch năm 2022.

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 đạt 18.079 triệu đồng đạt 63% kế hoạch năm 2022.

- Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2022 là 1.891 triệu đồng đạt 37% kế hoạch năm 2022.

- Lợi nhuận sau thuế cả năm 2022 lãi 1.323 triệu đồng đạt 33% kế hoạch năm 2022.

Cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022 so với KH năm 2022
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	9.685	8.302	117%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	9.471	8.000	118%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	214	302	71%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	450.680	398.596	113%
1	Doanh thu cà phê thu mua ngoài	Triệu đồng	434.993	383.581	113%
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	8.378	5.515	152%
3	Doanh thu kinh doanh dịch vụ	Triệu	7.309	9.500	77%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022 so với KH năm 2022
		đồng			
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	432.601	370.009	117%
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	426.064	365.301	117%
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	2.581	2.108	122%
3	Giá vốn kinh doanh dịch vụ	Triệu đồng	3.956	2.600	152%
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	18.079	28.587	63%
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	6.495	3.600	180%
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	3.995	3.100	129%
VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	8.528	13.000	66%
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.285	12.500	106%
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(1.233)	3.587	-390%
X	Thu nhập khác	Triệu đồng	5.028	2.300	219%
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	1.903	800	238%
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	3.125	1.500	208%
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	1.891	5.087	37%
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	568	1.017	56%
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	1.323	4.070	33%

III. Một số tồn tại hạn chế, nguyên nhân:

1. Tồn tại hạn chế:

Mặc dù đã có một số kết quả khả quan trong lĩnh vực sản xuất: như việc thu sản lượng giao khoán, thu các khoản nợ đạt cao hơn năm 2021 và một số trường hợp người nhận khoán đã ý thức được việc làm sai trái của mình nên đã tự nguyện ký hợp đồng giao khoán mới, trả nợ cho công ty và có những trường hợp đã tự nguyện thi hành án... tuy nhiên kết quả đạt được còn thấp, cụ thể đến nay người nhận khoán còn nợ công ty:

- Nợ sản lượng giao khoán từ năm 2018 đến 2022 là: 10.865.011 kg cà phê quả tươi tương đương khoảng hơn 100 tỷ đồng.
- Nợ tiền thuê đất (bao gồm truy thu và các năm từ 2018-2022): 14.065.262.310 đồng.
- Nợ tiền vay tái canh: 178.700 đồng.
- Nợ tiền phân vô cơ: 610.404.000 đồng.
- Việc tự ý chặt hạ, chiếm đoạt cây muồng đen vẫn tiếp tục diễn ra.
- Trên 1000 hợp đồng (bao gồm hết hạn cũng như chưa hết hạn) chưa ký lại hợp đồng mới.
- Về an ninh trật tự vẫn còn diễn biến phức tạp chưa được giải quyết dứt điểm.

2. Nguyên nhân:

- Công tác vận động tuyên truyền vẫn còn nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao do người dân cố tình không hợp tác.
- Công tác kiểm tra, quản lý lô đồng có những lúc, những thời điểm vẫn chưa sát sao, dẫn đến việc chưa phát hiện kịp thời một số vụ việc vi phạm trên lô cà phê.
- Các bản án dân sự sơ thẩm, phúc thẩm về tranh chấp hợp đồng giao khoán giữa công ty và người nhận khoán có hiệu lực pháp luật đã khá lâu (có những vụ đã 01 năm nay) nhưng cơ quan thi hành án vẫn chưa tổ chức thực hiện được, cũng như nhóm đối tượng cầm đầu xúi dục, lôi kéo người nhận khoán chống đối Công ty vẫn chưa được xử lý dẫn đến việc coi thường pháp luật và chống đối công ty.

IV. Công tác tổ chức bộ máy, lao động

1. Công tác tổ chức và nhân sự:

Tổng số lao động đến 31/12/2022 là 97 người, trong đó: có 41 lao động nữ; lao động có trình độ đại học và trên đại học là 20 người chiếm 20.6 %; trình độ cao đẳng là 5 người chiếm 5.1%, trình độ trung cấp là 5 người chiếm 5.1 %; trình độ sơ cấp là 67 người, chiếm 69 %.

2. Về tình hình đời sống, việc làm & an toàn sản xuất cho người lao động

- Công ty vẫn duy trì công việc ổn định cho người lao động với mức thu nhập bình quân: 8.416.579 đồng/người/tháng (Đối với cán bộ nhân viên gián tiếp) và 6.990.815 đồng/người/tháng (đối với công nhân chế biến cà phê).
- Công tác an toàn vệ sinh lao động, trang bị bảo hộ lao động và phòng chống cháy nổ luôn được Công ty quan tâm thực hiện, phổ biến, tuyên truyền, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho người lao động nhằm nâng cao nhận thức về an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ.

- Công tác trang bị đồng phục, bảo hộ lao động cho người lao động được Công ty thực hiện hàng năm theo quy định.

3. Thực hiện chế độ Bảo hiểm đối với người lao động:

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách BHXH, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Cụ thể như sau:

- Bảo hiểm xã hội: 1.861.343.968; đạt 100%
- Bảo hiểm thất nghiệp: 91.291.111 đồng; đạt 100%
- Bảo hiểm y tế: 336.122.234 đồng; đạt 100%

PHẦN THỨ HAI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Năm 2023 dự báo tình hình sản xuất, kinh doanh của công ty và công tác an ninh trật tự vẫn tiếp tục gặp những khó khăn cơ bản. Trong đó về sản xuất người nhận khoán vườn cà phê vẫn chưa hợp tác với công ty để bàn bạc, giải quyết, tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc nhằm tạo ra sự đồng thuận và hài hòa lợi ích hợp pháp giữa các bên liên quan, do vậy ảnh hưởng đến công tác quản lý, đầu tư, chăm sóc vườn cà phê, công tác thu nộp sản lượng giao khoán, các khoản nghĩa vụ đối với Nhà nước và các khoản nợ phải thu. Về kinh doanh sẽ gặp khó khăn do ảnh hưởng chiến tranh, lạm phát, chi phí đầu vào tăng, sức tiêu thụ giảm...

Trên cơ sở đó Ban Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

1. Mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	KH năm 2023 so với TH năm 2022	Ghi chú
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	9.685	8.302	86%	
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	9.471	8.000	84%	
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	214	302	141%	
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH					
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	450.680	371.483	82%	
1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	434.993	352.383	81%	

2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	8.378	12.300	147%	Giá thu sản dự kiến 9.000đ/kg cà phê quả tươi
3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	7.309	6.800	93%	
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	432.601	350.358	81%	
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	426.064	341.358	80%	
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	2.581	5.500	213%	Giá thành sản lượng dự kiến 4.000đ/kg cà phê quả tươi
3	Giá vốn cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	3.956	3.500	88%	
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	18.079	21.125	117%	
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	6.495	6.000	92%	
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	3.995	3.500	88%	
VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	8.528	7.000	82%	
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.285	13.000	98%	
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(1.233)	3.625	393%	
X	Thu nhập khác	Triệu đồng	5.028	1.300	26%	
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	1.903	800	42%	
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	3.125	500	16%	
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	1.891	4.125	218%	
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	568	825	145%	
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	1.323	3.300	249%	

2. Những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể:

2.1. Đối với hoạt động sản xuất vườn cây cà phê

- Toàn thể cán bộ nhân viên công ty tiếp tục nỗ lực phấn đấu yên tâm công tác có lập trường kiên định vững vàng, ý thức trách nhiệm với công việc, khắc phục những tồn tại, hạn chế, những khó khăn trong năm 2023 để hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường hơn nữa công tác tuần tra, kiểm tra lô đồng để nắm bắt, ghi nhận và báo cáo kịp thời các vụ việc vi phạm trên lô cà phê nhận khoán, đặc biệt là những lô đã có bản án của tòa án để không làm thất thoát tài sản. Cùng phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan chức năng xử lý các vụ việc vi phạm như: làm nhà trái phép, tự ý rào chắn đường lô...

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác vận động tuyên truyền đối với người nhận khoán để mọi người từng bước có nhận thức đúng đắn từ đó hợp tác với công ty trong việc thực hiện nghiêm túc hợp đồng giao khoán.

- Tăng cường công tác thu các khoản nợ với nhiều hình thức và biện pháp nhằm đạt kết quả tốt hơn.

- Rà soát, lập đoàn đi kiểm tra thực tế đánh giá và xin ý kiến HĐQT cho thanh lý một số vườn cây phát triển kém, năng suất thấp theo đề nghị của người nhận khoán. Đồng thời, Công ty sẽ cùng đầu tư vốn ngay từ năm đầu thực hiện trồng mới tái canh vườn cà phê.

- Tổ chức triển khai công tác tưới nước năm 2023 đạt kết quả tốt (triển khai đăng ký tưới, thu tiền tưới và điều tiết nước hợp lý đúng tiến độ).

- Phối hợp với cơ quan thi hành án đẩy nhanh tiến độ thi hành triệt để đối với các bản án đã có hiệu lực pháp luật nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật để tình hình công ty từng bước ổn định.

- Thông báo đấu giá những lô cà phê đã được cơ quan thi hành án thi hành và bàn giao cho công ty để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá nhận khoán vườn cây.

2.2. Đối với hoạt động kinh doanh cà phê thu mua ngoài

- Căn cứ vào tình hình thị trường để điều chỉnh sản lượng mua bán hợp lý, chào bán đa dạng sản phẩm, theo dõi chốt giá phù hợp đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

- Duy trì chất lượng hàng chế biến ươm để củng cố hình ảnh, thương hiệu công ty.

- Đẩy mạnh chào bán cho các đối tác truyền thống. Đồng thời tăng cường kết nối, thiết lập mối quan hệ với khách hàng mới để chào bán. Đẩy mạnh kênh bán hàng nội địa.

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng hàng hóa đầu vào và đầu ra đạt chất lượng tốt nhất, đáp ứng được nhu cầu hàng hóa của khách hàng.

- Đầu tư thêm Xưởng chế biến diện tích khoảng 5000m² với công nghệ hiện đại để đáp ứng nhu cầu thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty.

2.3. Đối với hoạt động chế biến cà phê rang xay và hòa tan

- Tập trung hoàn thiện cơ sở vật chất, hệ thống máy móc thiết bị và nhân sự cho xưởng sản xuất cà phê rang xay và hòa tan.

- Phát triển thị trường đối với sản phẩm cà phê rang xay, hòa tan trong và ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu.

- Triển khai việc sản xuất chế biến, kinh doanh cà phê bột theo đúng phương án và kế hoạch đề ra.

2.4. Các lĩnh vực kinh doanh khác

- Linh hoạt trong hoạt động tài chính để tăng thu, giảm chi phí lãi vay.
- Nâng cao hiệu quả việc sử dụng, cho thuê nhà kho nhà xưởng.

2.5. Một số nhiệm vụ khác

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp, phối hợp với công đoàn tổ chức hội nghị người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là một số đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2023 kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn Quý vị đại biểu./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu: VT.



Phạm Xuân Thọ

Số: 76/2023/BC – HĐQT

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi

Thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi, xin gửi đến tất cả Quý vị cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Tháng 04 năm 2022, Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi đã tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị ghi nhận công tác chỉ đạo điều hành của Ban Tổng Giám đốc, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm và đóng góp của tất cả Cán bộ, công nhân viên, người lao động, đặc biệt là sự hỗ trợ của UBND tỉnh, huyện và các cơ quan chính quyền địa phương. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi xin báo cáo kết quả hoạt động của năm 2022 bám sát theo kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm.

I. CÁC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022.

1. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị công ty hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động công ty.

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi đã tiến hành 14 phiên họp, lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản 02 lần và ban hành 15 Nghị quyết, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2022/NQ - HĐQT	27/01/2022	V/v thông qua các nội dung về kết quả hoạt động SXKD quý IV/2021 và cả năm 2021; kế hoạch SXKD cả năm 2022.	100%

2	02/2022/NQ – HĐQT	22/02/2022	V/v thông qua một số nội dung trong cuộc họp HĐQT ngày 22/02/2022	100%
3	03/2022/NQ – HĐQT	30/03/2022	V/v thông qua các nội dung tài liệu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
4	04/2022/NQ – HĐQT	09/04/2022	Về việc thông qua ý kiến của cổ đông Phạm Thị Linh đưa vào nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 về sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh của Công ty	100%
5	06/2022/NQ – HĐQT	25/04/2022	V/v thông qua các nội dung về kết quả thực hiện SXKD quý I/2022; kế hoạch SXKD quý II năm 2022.	100%
6	08/NQ-HĐQT	19/05/2022	V/v thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk.	100%
7	09/2022/NQ- CTCP	06/07/2022	Thông qua việc hỗ trợ người nhận khoán có hoàn cảnh khó khăn và thông qua việc khởi kiện Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Dương	100%
8	10/2022/NQ - HĐQT	15/07/2022	Về việc thông qua bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty	100%
9	11/2022/NQ – HĐQT	13/08/2022	V/v thông qua báo cáo kết quả SXKD Quý I, 06 tháng đầu năm 2022; kế hoạch SXKD Quý II/2022 và BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	100%
10	12/2022/NQ- CTCP	31/08/2022	Về việc thông qua hỗ trợ người nhận khoán có hoàn cảnh khó khăn và Dự thảo hợp đồng thiết kế mua sắm xây dựng đối với Dự án điện gió Thắng Lợi	90%

11	13/2022/NQ – HĐQT	14/09/2022	V/v Thông qua một số nội dung theo tại cuộc họp HĐQT ngày 14/09/2022 (Đề án cà phê rang xay hòa tan, Sửa chữa nhà truyền thống và Rút đơn khởi kiện đối với Ông Nguyễn Văn Tùng - Đơn vị 15/2, Dự thảo PA Đất Liên Kết)	90%
12	14/2022/NQ - HĐQT	07/10/2022	Thông qua ý kiến HĐQT đối với đề xuất của TGD về việc chia cổ tức năm 2021	60%
13	15/2022/NQ - HĐQT	27/10/2022	V/v phê duyệt chính sách giảm sản lượng nộp giao khoán vụ năm 2022	60%
14	16/2022/NQ - HĐQT	13/12/2022	V/v thông qua việc rút đơn khởi kiện, ký kết lại hợp đồng giao khoán mới và các nội dung khác liên quan đối với người nhận khoán vườn cây cà phê; Thành lập Phòng sản xuất và kinh doanh cà phê rang xay, hòa tan	100%
15	17/2022/NQ – HĐQT	19/12/2022	V/v thông qua việc rút đơn khởi kiện, ký kết lại hợp đồng giao khoán mới và các nội dung khác liên quan đối với người nhận khoán vườn cây cà phê	100%

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, chiến lược về nhân sự ... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi.

Hội đồng quản trị duy trì họp theo quy định mỗi quý ít nhất họp một lần để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với sự tham gia của Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các Thành viên Hội đồng quản trị cũng đã có nhiều cố gắng hoàn thành chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và Người lao động.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn và một số vấn đề còn tồn đọng chưa thể giải quyết như:

- Về phần tài chính: Công ty vẫn chưa được phê duyệt quyết toán bàn giao vốn giữa Công ty TNHH MTV Cà Phê Thắng Lợi và Công ty cổ phần Cà Phê Thắng Lợi làm ảnh hưởng đến hoạt động tài chính của Công ty.

- Về sản xuất: Tình hình sản xuất của Công ty tiếp tục gặp khó khăn bởi đa số người nhận khoán vẫn chưa hợp tác với Công ty trong thực hiện hợp đồng giao khoán, cụ thể: không giao nộp sản lượng giao khoán năm 2022; không trả nợ sản lượng còn nợ của các năm từ 2018-2021, mặc dù Công ty đã có chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 27/10/2022 của Hội đồng quản trị công ty (giảm sản lượng giao khoán từ 10- 30% đối với những trường hợp giao nộp đủ sản lượng giao khoán năm 2022 và trả đầy đủ hoặc một phần các khoản nợ); không ký hợp đồng giao khoán mới khi hợp đồng đã hết thời hạn; tiếp tục chặt hạ, chiếm đoạt cây muồng đen, tự ý thanh lý lô cà phê, tự ý rào lán chiếm và chắn đường lô...làm thất thoát tài sản của Công ty (trong đó có vốn Nhà nước và các cổ đông). Từ năm 2018 đến nay đều không nộp hoặc nộp không đủ sản lượng giao khoán và người nhận khoán, hộ liên kết không nộp tiền thuê đất và các khoản nợ khác từ năm 2018 đến nay theo quy định, vi phạm nội quy quy chế của Công ty, cụ thể:

Thu nợ sản lượng giao khoán 2018; 2019; 2020; 2021 và thu sản lượng năm 2022

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số còn nợ cuối kỳ
			Phát sinh tăng (Phải nộp trong kỳ)	Phát sinh giảm (đã nộp trong kỳ)	
Sản lượng giao khoán	Kg cà phê quả tươi	8.781.923	3.064.090	981.002	10.865.011 <i>(Tương đương trên 100 tỷ đồng)</i>
Tiền thuê đất	Đồng	13.409.893.814	2.443.281.566	1.247.913.070	14.605.262.310
Vay tái canh	Đồng	178.700.000	0	0	178.700.000
Phân vô cơ	Đồng	610.404.000	0	0	610.404.000

- Về Kinh doanh: cũng là một năm kinh doanh gặp khó khăn bởi biến động giá cả do ảnh hưởng của chiến tranh Nga-Ukraina, lạm phát,... nền kinh tế của nhiều nước rơi vào suy thoái, làm sức mua hàng hóa sụt giảm, ảnh hưởng lớn đến tiêu thụ cà phê toàn cầu, các khoản chi phí tăng cao. Do vậy về kinh doanh năm 2022 cũng không đạt hiệu quả cao, cụ thể:

- Tổng khối lượng hàng hóa xuất khẩu và bán nội địa cà phê thu mua ngoài là 9.471.008 kg cà phê nhân.
- Tổng khối lượng hàng hóa xuất khẩu và bán nội địa cà phê thu mua ngoài là 9.471.008 kg.
- Doanh thu xuất khẩu và bán nội địa cà phê thu mua ngoài: 434.993 triệu đồng

Các chỉ tiêu cơ bản năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022 so với KH năm 2022
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	9.685	8.302	117%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	9.471	8.000	118%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	214	302	71%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	450.680	398.596	113%
1	Doanh thu cà phê thu mua ngoài	Triệu đồng	434.993	383.581	113%
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	8.378	5.515	152%
3	Doanh thu kinh doanh dịch vụ	Triệu đồng	7.309	9.500	77%
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	432.601	370.009	117%
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	426.064	365.301	117%
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	2.581	2.108	122%
3	Giá vốn kinh doanh dịch vụ	Triệu đồng	3.956	2.600	152%
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	18.079	28.587	63%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022 so với KH năm 2022
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	6.495	3.600	180%
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	3.995	3.100	129%
VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	8.528	13.000	66%
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.285	12.500	106%
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(1.233)	3.587	-390%
X	Thu nhập khác	Triệu đồng	5.028	2.300	219%
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	1.903	800	238%
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	3.125	1.500	208%
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	1.891	5.087	37%
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	568	1.017	56%
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	1.323	4.070	33%

3. Về phần chi trả thù lao, tiền thưởng và các chế độ khác cho thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2022:

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022 về việc thông qua kế hoạch chi thù lao đối với HĐQT và BKS. Trong năm 2022 thực hiện chi trả tổng thù lao và thưởng của HĐQT và BKS cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Đối tượng	Kế hoạch năm 2022	Thực chi năm 2022
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách và các Thành viên HĐQT không chuyên trách	494.000.000	413.254.285

2	Ban kiểm soát (3TV)	84.000.000	24.000.000
	Tổng cộng	578.000.000	437.254.285

4. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, HĐQT thực hiện chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành Công ty một cách thường xuyên, liên tục thông qua những công cụ giám sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, các mẫu biểu, văn bản báo cáo của Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý các phòng nghiệp vụ chuyên môn như sau:

+ Trong năm 2022 Ban điều hành đã đạt thực hiện triển khai đúng và đầy đủ các Nghị quyết của HĐQT và đạt được những kết quả nhất định.

+ Ban điều hành đã có nhiều cố gắng, đoàn kết và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

- Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, sự đồng lòng của cán bộ, công nhân viên, người lao động, Công ty sẽ vượt qua các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao phó, từng bước khắc phục các trở ngại trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phía trước.

5. Kết quả giám sát đối với Trưởng - Phó các Phòng ban, Chi nhánh, Địa điểm kinh doanh:

Hội đồng quản trị luôn song hành cùng Ban điều hành và Trưởng – Phó các bộ phận trong từng hoạt động, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên làm việc với Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác, định kỳ họp giao ban bình quân 01 lần/tháng để nắm bắt tiến độ xử lý công việc. Các thành viên của Hội đồng quản trị thường xuyên hội ý, thống nhất các giải pháp về đầu tư, tài chính, kinh doanh, giảm thiểu các chi phí vận hành để đảm bảo nguồn tài chính của công ty... Vì vậy, Công ty đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông năm 2022 đề ra.

6. Đối với các giao dịch giữa công ty và người liên quan của Công ty:

Theo kết quả giám sát cũng như các số liệu báo cáo, không có các giao dịch giữa công ty với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

7. Tổng kết phương hướng nhiệm vụ đã triển khai theo kế hoạch năm 2022

HĐQT đã bám sát tình hình, phân tích các yếu tố tác động, dự báo các ảnh hưởng, từ đó xây dựng định hướng chiến lược phát triển và triển khai kế hoạch hành động cụ thể:

- Đối với hoạt động sản xuất, HĐQT đưa ra các phương án chỉ đạo xử lý nghiêm việc các chủ hộ vi phạm nghĩa vụ đối với công ty bằng việc khởi kiện ra tòa yêu cầu chấm dứt hợp đồng, thu hồi lô đất giao khoán đồng thời yêu cầu thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với công ty. Chỉ đạo Ban Tổng Giám Đốc theo sát chỉ đạo và tích cực làm việc với các cơ

quan chức năng đề nghị đẩy nhanh công tác thi hành án đối với các bản án của Tòa án xét xử đã có hiệu lực pháp lý.

- Đối với hoạt động kinh doanh xuất khẩu, HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám Đốc bám sát với kế hoạch kinh doanh năm 2022 đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt để chỉ đạo chỉ đạo phòng nghiệp vụ chuyên môn đưa ra các biện pháp kinh doanh phát triển thị trường đầu vào và đầu ra, xây dựng quy trình sản xuất hàng hóa của công ty tiêu chí tiết kiệm nguyên nhiên liệu sản xuất nhưng vẫn đảm bảo chất lượng hàng hóa. Cũng trong năm 2022, với các lợi thế hiện có của Công ty vì vậy Hội Đồng Quản Trị đã phê duyệt và đưa ra kế hoạch kinh doanh mới về mảng sản xuất kinh doanh cà phê rang xay hòa tan.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

- Năm 2023 Hội đồng quản trị sẽ từng bước hoàn thiện các quy chế, quy trình, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị để kịp thời phối hợp và xử lý xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công tác quản trị và tối đa lợi ích của cổ đông.

- Hội đồng quản trị cam kết hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao tuân thủ đúng quy định pháp luật nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty và gia tăng giá trị quyền lợi cho các cổ đông. Ngoài những nhiệm vụ được giao theo các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch năm 2023 như sau.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	KH năm 2023 so với TH năm 2022	Ghi chú
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	9.685	8.302	86%	
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	9.471	8.000	84%	
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	214	302	141%	
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH					
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	450.680	371.483	82%	
1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	434.993	352.383	81%	
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	8.378	12.300	147%	Giá thu sản dự kiến 9.000đ/kg cà phê quả tươi

3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	7.309	6.800	93 %	
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	432.601	350.358	81 %	
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	426.064	341.358	80 %	
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	2.581	5.500	213 %	Giá thành sản lượng dự kiến 4.000đ/kg cà phê quả tươi
3	Giá vốn cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	3.956	3.500	88 %	
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	18.079	21.125	117 %	
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	6.495	6.000	92 %	
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	3.995	3.500	88 %	
VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	8.528	7.000	82 %	
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.285	13.000	98 %	
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(1.233)	3.625	393 %	
X	Thu nhập khác	Triệu đồng	5.028	1.300	26 %	
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	1.903	800	42 %	
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	3.125	500	16 %	
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	1.891	4.125	218 %	
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	568	825	145 %	
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	1.323	3.300	249 %	

2. Giải pháp thực hiện.

- Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tập trung công tác thu sản lượng của người nhận khoán thông qua việc kết hợp với các cơ quan chính quyền địa phương, đồng thời

nghiên cứu và đưa ra các chính sách hỗ trợ phù hợp, chính sách khuyến khích áp dụng cho người nhận khoán.

- Đầu tư thêm Xưởng chế biến diện tích khoảng 5000m² với công nghệ hiện đại để đáp ứng nhu cầu thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty.

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo triển khai các công việc đầu tư phát triển lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng cà phê rang xay hòa tan. Đẩy mạnh phát triển kinh doanh cả thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Tiếp tục gắn kết và tạo uy tín đối với các đối tác cũ bao gồm cả đầu vào và đầu ra của Công ty, tăng sản lượng mua bán.

- Xúc tiến mở rộng thị phần trong tỉnh và các tỉnh lân cận, tìm kiếm các đối tác mới, liên kết kinh doanh với các công ty, doanh nghiệp hợp tác xã trồng, chế biến cà phê; Phát triển tìm kiếm khách hàng đầu ra trong nước và quốc tế thông qua môi giới và các công ty nước ngoài đang kinh doanh cà phê trong nước.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ khối lượng, chất lượng hàng hóa nhập vào, xuất đi theo đúng hợp đồng ký kết; bố trí, sắp xếp lại tổ chức sản xuất tại xưởng Chế biến, cũng như rà soát lại định mức giao khoán cho phù hợp thị trường;

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc tích cực, hiện đại, quyết liệt, tăng cường đào tạo phát triển nhân sự để xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp, vững mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của Công ty.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Đối với hoạt động năm 2022 của Công ty
Số: 77/2023/BC – BKS

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thăng lợi.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi;
Căn cứ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi;

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc;

Theo chương trình kiểm soát 2022 chúng tôi Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 về kết quả kiểm soát như sau:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát 2022:

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ là 02 lần/năm và kiểm tra giám sát tuân thủ việc triển khai Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022, các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành theo các quy định quản trị doanh nghiệp và điều lệ công ty. Cụ thể như sau:

1.1 Các công việc đã thực hiện được:

- Ban kiểm soát luôn bám sát kế hoạch năm 2022, trong đó tập trung vào việc giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc điều hành quản lý công ty. Qua giám sát cho thấy việc hoạt động của HĐQT đã tuân thủ theo đúng điều lệ của Công ty ban hành. Tuy nhiên ban giám đốc chưa chủ động, sáng tạo trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, tình trạng chặt phá, chiếm đoạt cây muồng đen, lấn chiếm bờ lô, rào vườn cây cà phê nhận khoán trái phép... Vẫn diễn ra thường xuyên song chưa được ngăn chặn kịp thời. Việc ký kết hợp đồng giao khoán (đối với những hợp đồng đã hết hạn) chậm thực hiện, kết quả thấp hiện nay có trên 835 hợp đồng khoán gọn đã hết thời hạn nhưng chỉ mới có 130 hợp đồng được ký mới chiếm khoảng 15,56%. Ngoài ra đối với những người nhận khoán hợp đồng giao khoán còn thời hạn nhưng cần chuyển đổi hợp đồng

sang tư cách pháp nhân mới thực được 69/419 chiếm 16,46% còn lại trên 80% chưa thực hiện. Việc ký kết hợp đồng đối với những người nhận khoán thực hiện việc trồng mới sau thanh lý vườn cây mới $17/57 = 29,82\%$ còn trên 70% người chưa thực hiện với diện tích trên 20 ha.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, tính thống nhất, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê, báo cáo tài chính.

- Kiến nghị HĐQT có biện pháp sửa đổi, bổ sung cải tiến việc theo dõi đối chiếu công nợ (nhất là đối với các hợp đồng nhận khoán đã hết hạn hợp đồng nhưng không đến đối chiếu công nợ với Công ty ...), gây khó khăn cho việc thu hồi công nợ, ảnh hưởng đến cơ cấu vốn, nguồn tài chính trong sản xuất kinh doanh. Tăng cường quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Đề nghị Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo các bộ phận chức năng bổ sung, kiện toàn hồ sơ công nợ, các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc vi phạm hợp đồng giao khoán để tiến hành khởi kiện những người nhận khoán không hợp tác không trả nợ cho Công ty ra Tòa, để đòi nợ và chấm dứt hợp đồng, trả lại vườn cây cho Công ty theo quy định của pháp luật.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị Công ty.

2.2. Hạn chế cần khắc phục: Trong năm 2022 Ban kiểm soát hoạt động giám sát chưa đều, đôi khi còn lúng túng bị động, chưa xây dựng cụ thể kế hoạch giám sát trong năm. Nguyên nhân: Do 100% thành viên ban kiểm soát là kiêm nhiệm và bận việc chuyên môn nên có phần sao nhãng nhiệm vụ được giao...

- Mặt khác hiện nay có một số hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, hợp đồng khoán gọn... với các đối tác cần phải nghiên cứu chặt chẽ hơn để đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đồng thời giảm thiểu thiệt hại đối với Công ty khi có tranh chấp hợp đồng xảy ra, nhưng chưa được ban kiểm soát quan tâm giám sát đúng mức.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành năm 2022:

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát ("BKS") đã triển khai hoạt động giám sát theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát không phát hiện gian lận trong hoạt động điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành cũng như trưởng các phòng ban của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành được tổ chức theo đúng quy định, các Nghị quyết được ban hành trên cơ sở đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty và các Cổ đông.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc; Báo cáo tài chính được đơn vị kiểm toán xác nhận đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi tại thời điểm 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các chỉ tiêu cơ bản theo Báo cáo tài chính kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022
1	Tổng doanh thu bán hàng	450.680.425.982
2	Lợi nhuận trước thuế	1.891.313.380
3	Tài sản ngắn hạn	141.354.371.230
4	Tài sản dài hạn	68.674.124.167
5	Nợ phải trả	74.710.364.832
6	Vốn chủ sở hữu	135.318.130.565

4. Thù lao, tiền thưởng của Ban Kiểm soát năm 2022:

Ban kiểm soát đã nỗ lực trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao và đã được chi trả thù lao, tiền thưởng với tổng số tiền là 24.000.000 đ/năm.

5. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông:

- BKS phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và các nghị quyết HĐQT.

- BKS đã nhận được đầy đủ các thông tin và nghị quyết của HĐQT, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty.

- Kiểm soát viên tham dự các phiên họp của HĐQT, trên cơ sở đó kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ.

- BKS duy trì độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình. Trong năm 2022, BKS cũng chưa nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HĐQT, BKS, BGĐ và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

6. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát

- Trong phạm vi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy chế nội bộ có liên quan, BKS trong năm 2022 đã nỗ lực hoàn thành các công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

- Trong năm 2022 BKS đã tổ chức họp 02 lần để phân công nhiệm vụ kiểm tra giám sát cho từng thành viên trong ban để đạt được hiệu quả cao trong quá trình kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty. Qua công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2022, BKS có kết luận, kiến nghị như sau:

1. Về cơ bản Công ty và các thành viên HĐQT, BKS, BTGD, KTT của Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Tuy nhiên việc giám sát hoạt động của các phòng ban bộ phận chưa sâu sát và kịp thời.

2. Hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng của Công ty khẩn trương chuẩn bị các tài liệu liên quan đến việc định giá tài sản Công ty TNHH MTV cà phê Thắng Lợi; Có kế hoạch làm việc với các ngành chức năng của địa phương và Trung ương để điều chỉnh vốn, tài sản của Công ty cổ phần hóa. Sớm bàn giao tài sản từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần.

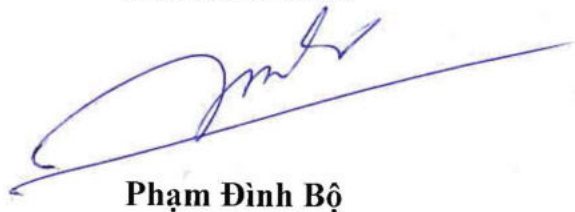
3. Trong thời gian tới đề nghị Công ty cần lưu ý trong việc kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý và hệ thống nhân sự, hợp đồng lao động đúng quy định của pháp luật, để phù hợp với quy mô hiện tại cũng như xu hướng phát triển của công ty.

4. Hiện nay nợ còn tồn đọng của người nhận khoán vườn cà phê của Công ty từ năm 2018 đến nay quá nhiều (khoảng trên 120 tỷ). Do vậy ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Những người nợ chủ yếu là cá nhân đang hợp đồng giao khoán với Công ty. Chính vì vậy, đề nghị hội đồng quản trị chỉ đạo các phòng ban chức năng tích cực, tìm mọi giải pháp để thu hồi công nợ. Đối với những trường hợp chây ỳ, không nộp sản lượng giao khoán, không thanh lý hợp đồng đã hết thời hạn giao khoán và ký kết hợp đồng giao khoán mới thì kiên quyết khởi kiện ra tòa, thu hồi vườn cây theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

T/M BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Phạm Đình Bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 33

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi tiền thân là Công ty TNHH MTV Cà phê Thắng Lợi được cổ phần hóa theo quyết định 1128/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần từ ngày 09 tháng 10 năm 2019.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000182456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 02 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 126.500.000.000 VND (Một trăm hai mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Xuân Thụ	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Thành viên
Bà Đặng Thị Huyền	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Phạm Xuân Thụ	Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Đỗ Hoàng Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị (sinh ngày 03/7/1957; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 037057001333 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 20/11/2017; địa chỉ thường trú: số 12 đường Trịnh Tú, phố Kim Đa, đường Ninh Khánh, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đắk Lắk, Việt Nam
Ngày 10 tháng 03 năm 2023



Số: 040/2023/BCKT-PB.00333

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần do các vấn đề xử lý các tồn tại tài chính còn vướng mắc. Công ty đã có công văn số 733/CV-TL ngày 01 tháng 12 năm 2020 gửi UBND Tỉnh Đắk Lắk, Sở Tài chính Đắk Lắk và Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi, theo đó trình xem xét quyết toán chi phí cổ phần hóa 1.089.000.000 VND, đồng thời kiến nghị xử lý giảm trừ một số khoản phải thu của các hộ nhận khoán, khoản âm quỹ khen thưởng phúc lợi, khoản tài sản thiếu chờ xử lý là giá trị còn lại của TSCĐ vườn cây cà phê bị các hộ tự ý chặt phá và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang năm 2018 không thu được sản lượng theo hợp đồng khoán vào giá trị phải nộp về Nhà Nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị của các khoản giảm trừ trên còn lại là 13.099.110.235 VND.

Tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan quản lý, các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi vẫn chưa được phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần. Do vậy số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty có thể thay đổi khi có quyết định phê duyệt chính thức.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 0855-2023-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
– CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 2505-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		141.354.371.230	111.693.916.944
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.136.731.873	1.078.161.301
1. Tiền	111		1.136.731.873	1.078.161.301
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	53.480.000.000	53.360.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		53.480.000.000	53.360.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.640.766.339	19.221.570.194
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	13.285.943.363	6.728.595.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.901.708.092	1.675.908.242
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	15.930.813.046	15.156.160.824
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(8.488.834.789)	(4.350.230.499)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		11.136.627	11.136.627
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	63.097.319.351	36.547.808.883
1. Hàng tồn kho	141		63.097.319.351	36.547.808.883
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		999.553.667	1.486.376.566
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	137.969.056	55.587.425
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		861.584.611	1.180.897.840
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	-	249.891.301
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68.674.124.167	72.099.635.203
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		37.037.716.695	41.192.555.149
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	36.655.417.407	41.159.383.859
- Nguyên giá	222		145.115.080.653	145.115.080.653
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(108.459.663.246)	(103.955.696.794)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	382.299.288	33.171.290
- Nguyên giá	228		454.360.000	54.360.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(72.060.712)	(21.188.710)
III/ Bất động sản đầu tư	230	5.10	14.769.371.544	16.202.399.316
- Nguyên giá	231		31.556.798.566	31.556.798.566
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(16.787.427.022)	(15.354.399.250)
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		5.740.992.183	1.980.111.413
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	5.740.992.183	1.980.111.413
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		11.126.043.745	12.724.569.325
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	11.126.043.745	12.724.569.325
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		210.028.495.397	183.793.552.147

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		74.710.364.832	49.798.456.327
I/ Nợ ngắn hạn	310		72.629.889.832	48.133.981.327
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	10.057.445.818	3.060.280.538
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		80.516.000	920.353
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	3.711.914.940	6.806.345.786
4. Phải trả người lao động	314		565.591.272	506.342.229
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	913.538.432	837.013.115
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	11.357.051.530	12.395.616.934
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	47.495.796.000	26.079.426.532
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(1.551.964.160)	(1.551.964.160)
II/ Nợ dài hạn	330		2.080.475.000	1.664.475.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	2.080.475.000	1.664.475.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		135.318.130.565	133.995.095.820
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.17	135.318.130.565	133.995.095.820
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		126.500.000.000	126.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		126.500.000.000	126.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.495.095.820	1.596.247.913
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.323.034.745	5.898.847.907
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.323.034.745	5.898.847.907
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		210.028.495.397	183.793.552.147



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đắk Lắk, Việt Nam
Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Thúy Hằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quỳnh Như
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B02 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	450.680.425.982	351.976.448.149
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		450.680.425.982	351.976.448.149
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	432.601.251.463	325.825.377.210
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.079.174.519	26.151.070.939
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.495.366.459	5.191.811.699
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.995.324.849	2.997.124.152
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.320.389.704	1.257.917.091
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	8.528.059.843	9.174.742.156
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	13.284.566.930	13.100.229.554
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.233.410.644)	6.070.786.776
11. Thu nhập khác	31	6.7	5.028.168.900	2.330.003.571
12. Chi phí khác	32	6.8	1.903.444.876	799.837.888
13. Lợi nhuận khác	40		3.124.724.024	1.530.165.683
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.891.313.380	7.600.952.459
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	568.278.635	1.702.104.552
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.323.034.745	5.898.847.907
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	105	466
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	105	466



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Đắk Lắk, Việt Nam
 Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Thúy Hằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quỳnh Như
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B03 - DN

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	368.882.468.095	347.173.857.450
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(376.092.519.585)	(286.052.064.250)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.408.129.075)	(6.080.106.663)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.174.227.194)	(1.323.868.951)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(22.188.640)	(1.702.254.387)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	15.058.379.879	3.001.129.566
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.621.471.442)	(12.714.587.984)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.377.687.962)	42.302.104.781
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.760.880.770)	(4.902.722.598)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(31.020.000.000)	(29.380.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	30.900.000.000	28.566.022.575
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.900.769.836	2.737.959.124
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.980.110.934)	(2.978.740.899)
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	316.849.400.499	273.026.647.195
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(295.433.031.031)	(311.823.252.083)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	21.416.369.468	(38.796.604.888)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	58.570.572	526.758.994
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.078.161.301	566.003.197
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(14.600.890)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.136.731.873	1.078.161.301



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Đắk Lắk, Việt Nam
 Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Thúy Hằng
Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Quỳnh Như
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi tiền thân là Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi được cổ phần hóa theo quyết định 1128/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần từ ngày 09 tháng 10 năm 2019.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000182456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 02 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 126.500.000.000 VND (Một trăm hai mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là trồng, khai thác và chế biến kinh doanh cà phê.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000182456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 02 năm 2023 hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cà phê;
- Chế biến, kinh doanh, xuất khẩu cà phê nhân;
- Chế biến, kinh doanh, xuất khẩu cà phê bột;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ công, nông nghiệp;
- Dịch vụ du lịch, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho;
- Mua bán vật liệu xây dựng, mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan./.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là các chi phí phân bổ trong thời hạn không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê đất khu công nghiệp

Chi phí thuê đất KCN Nam Tân Uyên được phân bổ theo thời gian thuê đất là 518 tháng tương đương khoảng 43 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác gồm các chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm, chi phí khác được phân bổ không quá 03 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

4.11 Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại điều lệ Công ty.

4.12 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu các năm trước.

Lợi nhuận chưa phân phối được phân phối theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông sau khi bù trừ các khoản lỗ lũy kế (nếu có).

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay dài hạn trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng cơ bản thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn vay bình quân cho hoạt động chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết và vốn vay bình quân chăm sóc cho vườn cây cao su khai thác.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	405.683.109	94.026.157
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	731.048.764	984.135.144
Tiền gửi VND	716.802.850	964.652.790
Tiền gửi ngoại tệ	14.245.914	19.482.354
Cộng	1.136.731.873	1.078.161.301

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	599,58	14.245.914

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	53.480.000.000	53.480.000.000	53.360.000.000	53.360.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	53.480.000.000	53.480.000.000	53.360.000.000	53.360.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	53.480.000.000	53.480.000.000	53.360.000.000	53.360.000.000

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng với giá trị tại ngày 31/12/2022 cụ thể như sau:

- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Vietcombank CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư cuối năm 2022 là 27.280.000.000 VND, lãi suất từ 3,7%/năm - 6,2%/năm.
- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP SHB CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư cuối năm 2022 là 8.600.000.000 VND, lãi suất từ 8,2%/năm.
- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP TPB CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư cuối năm 2022 là 11.500.000.000 VND, lãi suất từ 6,2%/năm - 10,2%/năm.
- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Nam Á CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư cuối năm 2022 là 6.100.000.000 VND, lãi suất từ 8,1%/năm - 9,9%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	13.285.943.363	-	6.728.595.000	-
MARUBENI CORPORATION	-	-	6.722.552.460	-
MITSUI & CO.LTD	13.261.568.640	-	-	-
Các khách hàng khác	24.374.723	-	6.042.540	-
Cộng	13.285.943.363	-	6.728.595.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước các bên liên quan	-	-	-	-
Trả trước các khách hàng khác	1.901.708.092	-	1.675.908.242	-
CN công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ kỹ thuật Tầm Nhìn Mới	360.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Công nghiệp OPP	246.400.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cà phê 15	-	-	500.000.000	-
Viện năng lượng	998.600.000	-	998.600.000	-
Các đối tượng khác	296.708.092	-	177.308.242	-
Cộng	1.901.708.092	-	1.675.908.242	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.5 Phải thu khác ngắn hạn**a) Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	15.930.813.046	(8.488.834.789)	15.156.160.824	(4.350.230.499)
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tạm tính	571.188.384	-	528.873.000	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	1.156.506.121	-	114.763.302	-
Phải thu khác	14.203.118.541	(8.488.834.789)	14.512.524.522	(4.350.230.499)
Tiền thuê đất công nhân phải nộp trước cổ phần hóa (i)	8.497.849.159	(7.936.461.989)	9.109.295.282	(3.955.678.499)
Tiền thuê đất công nhân phải nộp năm 2022 (i)	1.414.658.151	-	-	-
Tiền thuê đất công nhân phải nộp năm 2021 (i)	1.268.611.121	-	2.198.460.512	-
Tiền thuê đất công nhân phải nộp năm 2020 (i)	1.957.396.927	-	2.102.138.020	-
Tiền phân bón công nhân phải nộp (i)	610.404.000	(427.282.800)	610.404.000	(305.202.000)
Vay tái canh (i)	178.700.000	(125.090.000)	178.700.000	(89.350.000)
Phải thu BHXH công nhân	238.053.432	-	239.343.859	-
Các khoản khác	37.445.751	-	74.182.849	-
Cộng	15.930.813.046	(8.488.834.789)	15.156.160.824	(4.350.230.499)

(i) Khoản tiền thuê đất của các hộ liên kết, hộ nhận khoán phải nộp theo tỷ lệ 49% và khoản tiền phân bón đã bán từ các năm trước hiện chưa có đối chiếu xác nhận do các hộ này không nhận các thư đối chiếu và không hợp tác hoàn trả các khoản nợ cho Công ty. Hiện tại, Công ty đang kiến nghị UBND tỉnh Đắk Lắk, Ban chỉ đạo cổ phần hóa cho phép giảm trừ khoản công nợ này vào giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần ngày 08/10/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	31/12/2022	Giá trị có thể thu hồi	01/01/2022	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tiền thuê đất công nhân phải nộp	8.497.849.159	561.387.170	9.109.295.282	5.153.616.783
Tiền phân bổ công nhân phải nộp	610.404.000	183.121.200	610.404.000	305.202.000
Tiền vay tái canh	178.700.000	53.610.000	178.700.000	89.350.000
Cộng	9.286.953.159	798.118.370	9.898.399.282	5.548.168.783

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn		Nợ phải thu dài hạn		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	(4.350.230.499)	(4.350.230.499)		(4.350.230.499)		
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.138.604.290)	(4.138.604.290)		(4.138.604.290)		
Tại ngày 31/12/2022	(8.488.834.789)	(8.488.834.789)	-	(8.488.834.789)		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.105.579.462	-	707.290.594	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	10.358.921.499	-	9.230.182.155	-
Thành phẩm	6.392.051	-	5.024.241	-
Hàng hoá	51.626.426.339	-	26.605.313.081	-
Cộng	63.097.319.351	-	36.547.808.883	-

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm khoản chi phí sản xuất năm 2018, 2019, 2020, 2021 và 2022 với giá trị là 10.358.921.499 VND tương ứng với sản lượng năm 2018, 2019, 2020, 2021 và 2022 còn phải thu của các hộ nhận khoán. Trong đó, chi phí sản xuất năm 2018 là 2.427.756.288 VND tương ứng với 1.089.204 kg; năm 2019 là 2.708.815.261 VND tương ứng với 2.334.961 kg; chi phí sản xuất năm 2020 là 2.661.171.880 VND tương ứng với 2.413.918 kg; chi phí sản xuất năm 2021 là 956.761.253 VND tương ứng với 2.480.380 kg; chi phí sản xuất năm 2022 là 1.604.416.815 VND tương ứng với 2.567.198 kg.

Đối với khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang từ năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá việc thu hồi đủ là rất khó khăn và phát sinh rủi ro tiềm ẩn một khoản chi phí tổn động khó có khả năng thu hồi.

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	-	54.382.883
Các khoản khác	137.969.056	1.204.542
Cộng	137.969.056	55.587.425

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	806.535.845	618.822.510
Chi phí sửa chữa tài sản	239.390.565	1.634.005.887
Chi phí thuê đất KCN Nam Tân Uyên (i)	10.068.279.477	10.394.817.117
Các khoản khác	11.837.858	76.923.811
Cộng	11.126.043.745	12.724.569.325

(i) Chi phí thuê kho Công ty tại KCN Nam Tân Uyên từ cuối năm 2019, diện tích thuê là 15.000 m², thời gian thuê là 35 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Vườn cây lâu năm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2022	53.951.067.009	27.906.477.339	3.252.329.565	130.387.273	59.874.819.467	145.115.080.653
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	53.951.067.009	27.906.477.339	3.252.329.565	130.387.273	59.874.819.467	145.115.080.653
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2022	42.736.294.512	16.820.558.769	2.462.376.855	130.387.273	41.806.079.385	103.955.696.794
Khấu hao trong năm	1.107.554.577	1.204.946.773	145.809.900		2.045.655.202	4.503.966.452
Số dư tại 31/12/2022	43.843.849.089	18.025.505.542	2.608.186.755	130.387.273	43.851.734.587	108.459.663.246
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2022	11.214.772.497	11.085.918.570	789.952.710	-	18.068.740.082	41.159.383.859
Tại ngày 31/12/2022	10.107.217.920	9.880.971.797	644.142.810	-	16.023.084.880	36.655.417.407
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại ngày 01/01/2022	34.595.418.162	8.909.494.339	2.156.970.557	130.387.273	19.172.136.211	64.964.406.542
Tại ngày 31/12/2022	34.851.272.707	9.096.494.339	2.156.970.557	130.387.273	19.172.136.211	65.407.261.087

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2022	-	54.360.000	54.360.000
Mua trong năm		400.000.000	400.000.000
Số dư tại 31/12/2022	-	454.360.000	454.360.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại 01/01/2022	-	21.188.710	21.188.710
Khấu hao trong năm	-	50.872.002	50.872.002
Số dư tại 31/12/2022	-	72.060.712	72.060.712
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2022	-	33.171.290	33.171.290
Tại ngày 31/12/2022	-	382.299.288	382.299.288

5.10 Tăng giảm bất động sản đầu tư

	<i>Nhà</i>	<i>Cơ sở hạ tầng</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2022	29.938.241.930	1.618.556.636	31.556.798.566
Số dư tại 31/12/2022	29.938.241.930	1.618.556.636	31.556.798.566
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại 01/01/2022	14.763.781.168	590.618.082	15.354.399.250
Khấu hao trong năm	1.352.099.940	80.927.832	1.433.027.772
Số dư tại 31/12/2022	16.115.881.108	671.545.914	16.787.427.022
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2022	15.174.460.762	1.027.938.554	16.202.399.316
Tại ngày 31/12/2022	13.822.360.822	947.010.722	14.769.371.544

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.11 Tăng giảm chi phí XDCB dở dang

	01/01/2022	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Dự án điện gió	1.527.000.000	-	-	1.527.000.000
Vườn cây cà phê trồng mới	453.111.413	3.760.880.770	-	4.213.992.183
Tổng cộng	1.980.111.413	3.760.880.770	-	5.740.992.183

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	10.057.445.818	10.057.445.818	3.060.280.538	3.060.280.538
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Hoàng Quyền	2.297.453.400	2.297.453.400	-	-
Công ty CP Đầu tư Cà phê Cao Nguyên	1.949.443.700	1.949.443.700	-	-
Công ty TNHH Thương mại Phúc Minh	1.800.322.300	1.800.322.300	-	-
Công ty TNHH Thương mại Thái Phúc	1.918.154.500	1.918.154.500	2.986.054.500	2.986.054.500
Các đối tượng khác	2.092.071.918	2.092.071.918	74.226.038	74.226.038
Cộng	10.057.445.818	10.057.445.818	3.060.280.538	3.060.280.538

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	166.558.250	20.395.740
Chi phí hoa hồng môi giới	68.812.200	35.892.720
Tiền lương, thưởng	372.250.000	748.600.000
Chi phí khác	305.917.982	32.124.655
Cộng	913.538.432	837.013.115

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THÁNH LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu cuối năm 2022	Số phải nộp cuối năm 2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu đầu năm 2022	Số phải nộp đầu năm 2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	304.658.526	568.278.635	22.188.640	241.431.469	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	17.075.150	185.291.285	160.573.135	7.643.000	-
Thuế tài nguyên	-	-	1.764.090	1.764.090	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	1.838.033.567	6.106.036.442	9.523.468.603	-	5.255.465.728
Các loại thuế khác	-	1.551.964.529	8.119.278	7.034.807	-	1.550.880.058
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	183.168	14.479.411	13.479.411	816.832	-
Cộng	-	3.711.914.940	6.883.969.141	9.728.508.686	249.891.301	6.806.345.786

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả các đối tượng khác	11.357.051.530	11.357.051.530	12.395.616.934	12.395.616.934
Tài sản thừa chờ giải quyết		-		-
Kinh phí công đoàn	136.259.448	136.259.448	219.579.635	219.579.635
Bảo hiểm xã hội	125.620.140	125.620.140	135.874.553	135.874.553
Bảo hiểm y tế	4.571.652	4.571.652	107.322.287	107.322.287
Bảo hiểm thất nghiệp	928.587	928.587	-	-
Phải trả về cổ phần hóa	4.015.607.667	4.015.607.667	4.015.607.667	4.015.607.667
Vốn hợp tác đầu tư vườn cây của hộ nông dân	6.329.981.082	6.329.981.082	7.171.074.978	7.171.074.978
Phải trả khác	744.082.954	744.082.954	746.157.814	746.157.814
Cộng	11.357.051.530	11.357.051.530	12.395.616.934	12.395.616.934

5.15.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	2.080.475.000	2.080.475.000	1.664.475.000	1.664.475.000
Cộng	2.080.475.000	2.080.475.000	1.664.475.000	1.664.475.000

(i) Nhận đặt cọc dài hạn tiền thuê nhà xưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	47.495.796.000	47.495.796.000	316.849.400.499	295.433.031.031	26.079.426.532	26.079.426.532
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Đắk Lắk	47.225.796.000	47.225.796.000	274.953.255.612	245.410.308.956	17.682.849.344	17.682.849.344
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	-	-	-	6.501.100.268	6.501.100.268	6.501.100.268
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đắk Lắk	-	-	39.546.144.887	41.441.621.807	1.895.476.920	1.895.476.920
Các cá nhân khác	270.000.000	270.000.000	2.350.000.000	2.080.000.000	-	-
Cộng	47.495.796.000	47.495.796.000	316.849.400.499	295.433.031.031	26.079.426.532	26.079.426.532

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN**Thông tin thuyết minh bổ sung cho các khoản vay:**

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2021	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Đắk Lắk 276952/HĐHM ngày 14/12/2021	06 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	70.000.000.000 VND	47.225.796.000	Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất và kinh doanh cả phê xuất khẩu (Vay trả tiền thu mua cà phê)	Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Ngoại thương với tổng giá trị lần lượt là 10.300.000.000 đồng và 20.160.000.000 đồng; Hợp đồng bảo hiểm hàng hóa giá trị 23.200.000.000 đồng và Hợp đồng bảo hiểm tài sản giá trị là 26.500.000.000 đồng.
Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đắk Lắk 1115/2021/HĐTD/ DLL/01 ngày 15/12/2021	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	1.000.000 USD hoặc VND tương đương	0	Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu	Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội tổng giá trị là 7.700.000.000 đồng.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk 01/2021/718025/HĐ TDHM ngày 29/11/2021	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	45.000.000.000 VND	0	Vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh cả phê xuất khẩu	Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội tổng giá trị lần lượt là 3.000.000.000 đồng và 12.200.000.000 đồng.
Vay cá nhân Vay cá nhân Y Ni Hmok				270.000.000	Vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh trong kỳ	
Cộng				47.495.796.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Tổng cộng
	VND		VND		VND		VND
Năm trước							
Số dư tại 01/01/2021	126.500.000.000		-		1.596.247.913		128.096.247.913
Lãi trong năm trước	-		-		5.898.847.907		5.898.847.907
Trích lập các quỹ	-		1.596.247.913		(1.596.247.913)		-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-		1.596.247.913		(1.596.247.913)		-
Số dư tại 31/12/2021	126.500.000.000		1.596.247.913		5.898.847.907		133.995.095.820
Năm nay							
Số dư tại 01/01/2022	126.500.000.000		1.596.247.913		5.898.847.907		133.995.095.820
Lãi trong năm nay	-		-		1.323.034.745		1.323.034.745
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-		5.898.847.907		(5.898.847.907)		-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-		5.898.847.907		(5.898.847.907)		-
Số dư tại 31/12/2022	126.500.000.000		7.495.095.820		1.323.034.745		135.318.130.565

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
UBND tỉnh Đắk Lắk	45.540.000.000	36,00%	45.540.000.000	36,00%
Phạm Thị Linh	77.619.000.000	61,36%	77.619.000.000	61,36%
Các cá nhân khác	3.341.000.000	2,64%	3.341.000.000	2,64%
Cộng	126.500.000.000	100%	126.500.000.000	100%

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa	430.198.874.600	337.893.934.335
Doanh thu bán thành phẩm	8.922.749.300	5.336.469.300
Doanh thu cho thuê kho	11.558.802.082	8.746.044.514
Cộng	450.680.425.982	351.976.448.149

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	429.290.858.875	326.604.814.934
Giá vốn của thành phẩm đã bán	804.396.445	742.057.935
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.505.996.143	2.036.459.046
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.557.954.705)
Cộng	432.601.251.463	325.825.377.210

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.210.534.384	2.752.378.124
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.284.832.075	2.439.433.575
	6.495.366.459	5.191.811.699

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	1.320.389.704	1.257.917.091
Chiết khấu thanh toán cho công nhân nộp sản lượng	862.672.891	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.696.432.923	1.007.350.986
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	115.829.331	731.856.075
Cộng	3.995.324.849	2.997.124.152

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	1.255.592.571	1.668.443.306
Chi phí vật liệu, bao bì	60.345.848	63.721.997
Chi phí khấu hao TSCĐ	193.119.612	167.730.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.846.217.905	5.340.220.990
Chi phí bằng tiền khác	1.172.783.907	1.934.625.469
Cộng	8.528.059.843	9.174.742.156

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.018.355.357	4.327.427.380
Chi phí vật liệu quản lý	748.344.831	898.220.926
Chi phí khấu hao TSCĐ	304.875.558	483.338.238
Thuế, phí và lệ phí	1.234.925.657	2.585.695.803
Chi phí dự phòng	4.138.604.290	3.140.836.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	499.840.977	698.908.989
Chi phí bằng tiền khác	2.339.620.260	965.801.742
Cộng	13.284.566.930	13.100.229.554

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thanh lý cây muồng đen	2.293.919.478	1.906.796.510
Các khoản khác	2.734.249.422	423.207.061
Cộng	5.028.168.900	2.330.003.571

6.8 Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Khấu hao TSCĐ không sử dụng sản xuất kinh doanh	161.968.758	277.660.728
Các khoản khác	1.741.476.118	522.177.160
Cộng	1.903.444.876	799.837.888

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.891.313.380	7.600.952.459
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	950.079.796	798.625.302
Các khoản điều chỉnh tăng	950.079.796	798.625.302
Các khoản chi phí không được trừ	949.736.046	744.635.980
Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ các khoản tiền gửi, phải thu	343.750	53.989.322
Thu nhập tính thuế TNDN	2.841.393.176	8.399.577.761
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	568.278.635	1.679.915.552
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	22.189.000
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	568.278.635	1.702.104.552

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

6.10 Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.323.034.745	5.898.847.907
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	1.323.034.745	5.898.847.907
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.650.000	12.650.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	105	466

6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân công	5.273.947.928	7.214.199.724
Chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ	4.778.332.499	5.238.318.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.987.866.226	4.556.174.349
Thuế, phí, lệ phí	1.234.925.657	2.585.695.803
Chi phí dự phòng	4.138.604.290	(417.118.229)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.346.058.882	7.055.082.735
Chi phí khác bằng tiền	4.293.654.251	3.124.680.169
Cộng	32.053.389.733	29.357.033.520

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	316.849.400.499	273.026.647.195
Cộng:	316.849.400.499	273.026.647.195

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	295.433.031.031	311.823.252.083
Cộng:	295.433.031.031	311.823.252.083

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thành viên Quản lý chủ chốt	Chức danh	Tiền lương và thù lao	
		Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	330.685.714	344.896.250
Ông Phạm Xuân Thụ	Tổng Giám đốc	280.584.500	270.587.500
	Thành viên HĐQT		
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	49.500.000	50.000.000
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	266.256.535	331.260.000
	Thành viên HĐQT		
Bà Đặng Thị Huyền	Thành viên HĐQT	169.539.937	142.719.940
Ông Đoàn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc	240.627.963	238.210.000
Ông Đỗ Trọng Quân	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm 12/07/2021)	-	65.321.732
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng	183.269.188	156.000.000
Cộng:		1.520.463.837	1.598.995.422

8.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.

8.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – xã Hòa Đông – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty đã lập hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính Phủ và đã được miễn giảm tiền thuê đất theo Quyết định số 282/QĐ-CT ngày 14/02/2023 của Cục thuế tỉnh Đắk Lắk với số tiền 1.630.384.348 đồng. Báo cáo tài chính được lập ngày 10 tháng 03 năm 2023 của Công ty đã bao gồm việc điều chỉnh giảm chi phí tiền thuê đất được giảm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023. Ngoài các sự kiện nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Hội đồng quản trị, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đắk Lắk, Việt Nam
Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Thúy Hằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quỳnh Như
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

(Số: 78/2023/TT – HĐQT)

**V/v: Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày
01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi

*Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa
Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi kính trình Đại hội đồng cổ
đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ
ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 (*Báo cáo tài chính được đính kèm*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LÔI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

(Số: 79/2023/TT – HĐQT)

V/v: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lôi

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lôi.

1. Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2021

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 05/2022/NQ – ĐHĐCĐ ngày 25/04/2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua với tỷ lệ 63,974% tán thành về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2021 thực hiện trích 100% lợi nhuận vào quỹ đầu tư phát triển và không thực hiện chia cổ tức. Theo đó, Công ty đã thực hiện trích lập toàn bộ lợi nhuận sau thuế 2021 là 5.898.847.907 đồng vào quỹ đầu tư phát triển. Tình hình sử dụng quỹ đầu tư phát triển đến 31/12/2022 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Số tiền trích quỹ	Số tiền đã sử dụng đầu tư	Số dư còn lại
1	Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 03/2021/NQ – ĐHĐCĐ thông qua.	1.596.247.913		
2	Đầu tư hệ thống máy bắn màu cà phê năm 2021.		1.236.363.636	359.884.277
3	Đầu tư hệ thống sàng cà phê năm 2021.		2.209.000.000	(1.849.115.723)
4	Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 05/2022/NQ – ĐHĐCĐ thông qua.	5.898.847.907		4.049.732.184
Cộng		7.495.095.820	3.445.363.636	4.049.732.184

Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk là cổ đông (nắm giữ 36% cổ phần công ty) đã có các công văn số 6531/UBND-KT ngày 04/08/2022 và Công văn số 11138/UBND – KT ngày 22/12/2022 về đề nghị chia cổ tức bằng tiền mặt đối với lợi nhuận sau thuế năm 2021 cho phần vốn nhà nước tại công ty. Theo đó người đại diện phần vốn nhà nước đã gửi văn bản đề nghị HĐQT xem xét thông qua trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về vấn đề này. Vì vậy, Hội Đồng Quản Trị kính trình ĐHCĐ xem xét việc phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2021, như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2021 (1)	Đồng	5.898.847.907
2	Trích (1) vào Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	1.849.115.723
3	Chia cổ tức từ (1) bằng tiền mặt	Đồng	4.049.732.184
4	Tỷ lệ chia cổ tức trên lợi nhuận	%	68,65

2. Triển khai thực hiện:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy toàn quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và triển khai thực hiện các công việc liên quan sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận được trình như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LÔI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

(Số: 79a/2023/TT – HĐQT)

V/v: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lôi

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lôi.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua các nội dung về Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2022 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận từ 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022:

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Tổng doanh thu	Đồng	462.203.961.341
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	1.891.313.380
3	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	Đồng	1.323.034.745
4	Cổ tức	Đồng	0
5	Lợi nhuận trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	1.323.034.745
6	Tỷ lệ chia cổ tức trên lợi nhuận	%	0

HĐQT đề xuất phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 là 1.323.034.745 đồng sẽ không chia cổ tức mà thực hiện trích 100% lợi nhuận vào quỹ đầu tư phát triển Công ty vì những lý do sau:

- Hiện nay Công ty đang hoạt động rất khó khăn do Người nhận khoán không nộp sản và nộp tiền thuê đất 04 năm liên tiếp công nợ lên tới hơn 110 tỷ đồng, tình hình an ninh trật tự phức tạp, hồ sơ pháp lý về đất đai chuyển đổi sang Công ty cổ phần chưa hoàn thiện ảnh hưởng lớn đến nguồn thu và vốn lưu động trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đồng thời vì lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2022 thấp chỉ 1,3 tỷ đồng. Công ty cũng cần có nguồn vốn để đầu tư nâng cấp và đầu tư mới hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng để đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh cà phê nhân và đầu tư phát triển lĩnh vực cà phê rang xay & hòa tan.

2. Triển khai thực hiện:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy toàn quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và triển khai thực hiện các công việc liên quan sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận được trình như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

(Số: 80/2023/TT – HĐQT)

V/v: Thông qua Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về việc thông qua kế hoạch chi thù lao đối với HĐQT và BKS.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua Tổng mức thù lao (bao gồm lương và thưởng) HĐQT, BKS năm 2022 và Kế hoạch thù lao (bao gồm lương và thưởng) năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Nội dung	Kế hoạch thù lao năm 2022	Tổng thù lao đã chi năm 2022	Kế hoạch thù lao năm 2023
01	Chủ tịch HĐQT chuyên trách và các Thành viên HĐQT không chuyên trách	494.000.000	413.254.285	500.000.000 - Lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 22.500.000đ/tháng (Chưa bao gồm mức đóng thuế TNCN 10%)
02	Ban kiểm soát (03 thành viên)	84.000.000	24.000.000	84.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

(Số: 81/2023/TT – HĐQT)

V/v: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các quy định của pháp luật khác, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty, tiêu chí lựa chọn như sau:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, tuân thủ các quy định của pháp luật về các điều kiện đối với tổ chức kiểm toán được chấp thuận.
- Thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của pháp luật;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán và có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng, công ty niêm yết và các tổ chức ngân hàng, tài chính lớn tại Việt Nam;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán.

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023 phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng các tiêu chí trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
(Số: 14/2023/NQ – ĐHĐCD)

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số: 13/2023/BBH – ĐHĐCD ngày 26/04/2023 của Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo số 75/2023/BC – BTGD ngày 29/03/2023 của Ban Tổng Giám Đốc về báo cáo tổng kết thực hiện sản xuất kinh doanh trong năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2023

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023 như sau:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022 so với KH năm 2022
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	9.685	8.302	117%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	9.471	8.000	118%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	214	302	71%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022 so với KH năm 2022
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	450.680	398.596	113 %
1	Doanh thu cà phê thu mua ngoài	Triệu đồng	434.993	383.581	113 %
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	8.378	5.515	152 %
3	Doanh thu kinh doanh dịch vụ	Triệu đồng	7.309	9.500	77 %
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	432.601	370.009	117 %
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	426.064	365.301	117 %
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	2.581	2.108	122 %
3	Giá vốn kinh doanh dịch vụ	Triệu đồng	3.956	2.600	152 %
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	18.079	28.587	63 %
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	6.495	3.600	180 %
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	3.995	3.100	129 %
VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	8.528	13.000	66 %
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.285	12.500	106 %
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(1.233)	3.587	-390 %
X	Thu nhập khác	Triệu đồng	5.028	2.300	219 %
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	1.903	800	238 %
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	3.125	1.500	208 %
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán	Triệu	1.891	5.087	37 %

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022 so với KH năm 2022
	trước thuế	đồng			
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	568	1.017	56%
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	1.323	4.070	33%

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	KH năm 2023 so với TH năm 2022	Ghi chú
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	9.685	8.302	86%	
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	9.471	8.000	84%	
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	214	302	141%	
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH					
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	450.680	371.483	82%	
1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	434.993	352.383	81%	
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	8.378	12.300	147%	Giá thu sản dự kiến 9.000đ/kg cà phê quả tươi
3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	7.309	6.800	93%	
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	432.601	350.358	81%	
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	426.064	341.358	80%	
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	2.581	5.500	213%	Giá thành sản lượng dự kiến 4.000đ/kg cà phê quả tươi

3	Giá vốn cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	3.956	3.500	88 %	
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	18.079	21.125	117 %	
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	6.495	6.000	92 %	
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	3.995	3.500	88 %	
VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	8.528	7.000	82 %	
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.285	13.000	98 %	
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(1.233)	3.625	393 %	
X	Thu nhập khác	Triệu đồng	5.028	1.300	26 %	
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	1.903	800	42 %	
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	3.125	500	16 %	
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	1.891	4.125	218 %	
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	568	825	145 %	
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	1.323	3.300	249 %	

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 2: Thông qua Báo cáo số 76/2023/BC – HĐQT ngày 29/03/2023 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 (*Văn bản đính kèm*).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 3: Thông qua Báo cáo số 77/2023/BC – BKS ngày 29/03/2023 về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 (*Văn bản đính kèm*).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 4: Thông qua Tờ trình số 78/2023/TT – HĐQT ngày 29/03/2023 về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022

Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 như được nêu trong tờ trình (Văn bản đính kèm).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 5: Đại hội đồng cổ đông không thông qua Tờ trình số 79/2023/TT – HĐQT ngày 29/03/2023 về Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2021.

Đại hội biểu quyết không thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2021 (1)	Đồng	5.898.847.907
2	Trích (1) vào Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	1.849.115.723
3	Chia cổ tức từ (1) bằng tiền mặt	Đồng	4.049.732.184
4	Tỷ lệ chia cổ tức trên lợi nhuận	%	68,65

Tỷ lệ biểu quyết không tán thành 63,22%

Điều 6: Thông qua Tờ trình số 79a/2023/TT – HĐQT ngày 29/03/2023 về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2022.

Đại hội biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2022 như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Tổng doanh thu	Đồng	462.203.961.341
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	1.891.313.380
3	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	Đồng	1.323.034.745
4	Cổ tức	Đồng	0
5	Lợi nhuận trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	1.323.034.745
6	Tỷ lệ chia cổ tức trên lợi nhuận	%	0

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 63,87%

Điều 7: Thông qua Tờ trình số 80/2023/TT – HĐQT ngày 29/03/2023 về việc thông qua Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

Đại hội biểu quyết thông qua Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Nội dung	Kế hoạch thù lao năm 2022	Tổng thù lao đã chi năm 2022	Kế hoạch thù lao năm 2023
01	Chủ tịch HĐQT chuyên trách và các Thành viên HĐQT không chuyên trách	494.000.000	413.254.285	500.000.000 - Lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 22.500.000đ/tháng (Chưa bao gồm mức đóng thuế TNCN 10%)
02	Ban kiểm soát (03 thành viên)	84.000.000	24.000.000	84.000.000

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 8: Thông qua Tờ trình số 81/2023/TT – HĐQT ngày 29/03/2023 về việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2023

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung tờ trình về việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn một trong các công ty Kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2023.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 9. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 26/04/2023

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm sao gửi Nghị quyết đến toàn thể cổ đông, cơ quan có thẩm quyền theo quy định và công bố trên website Công ty theo đúng quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 10. Trách nhiệm phổ biến quán triệt và triển khai thực hiện Nghị Quyết này

Đại hội thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm phổ biến quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN; SGDCKHN “để báo cáo”;
- Lưu: HĐQT; VT.



CHỦ TỊCH HĐQT

Đỗ Hoàng Phúc